

12	Nợ	511	25.200.000
		Có 911	25.200.000

Kết chuyển lãi bán hàng :

13	Nợ	911	200.000
		Có 421	200.000

Bài tập số 09

Tại một doanh nghiệp chuyên sản xuất kinh doanh sản phẩm A, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Trong kỳ có các số liệu được kế toán ghi nhận như sau :

1. Nhập kho 2.000 kg nguyên vật liệu chính đơn giá 800.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ lô nguyên vật liệu chính về đến kho của doanh nghiệp là 3.150.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp thanh toán hộ cho người bán bằng tiền mặt. Một tuần sau, doanh nghiệp chuyển khoản thanh toán cho khách hàng sau khi trừ khoản thanh toán hộ tiền vận chuyển và bốc dỡ.
2. Nhập kho 2.000 kg vật liệu phụ, đơn giá 39.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển 2.100.000 đồng, trong đó gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt.
3. Xuất kho 1.000 kg nguyên liệu chính dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm A.
4. Xuất kho 2.000 kg vật liệu phụ, trong đó, dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm A là 1.500 kg, bộ phận quản lý phân xưởng là 500 kg.

5. Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 2 lần dùng cho phân xưởng trị giá 20.000.000 đồng.
6. Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 300.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 100.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 50.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 100.000.000 đồng.
7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí 19%, trừ lương công nhân 6%.
8. Khấu hao tài sản cố định trong kỳ 250.000.000 đồng, tính cho bộ phận sản xuất là 180.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 30.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 40.000.000 đồng.
9. Điện, nước, điện thoại phải trả theo hóa đơn là 44.000.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10%, sử dụng cho bộ phận sản xuất là 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
10. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 4.000 sản phẩm A nhập kho. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ 40.000.000 đồng, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 200 sản phẩm. Biết rằng doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu chính.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tính giá thành đơn vị sản phẩm A.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho vật liệu chính :

1a	Nợ	1521	1.600.000.000
	Hạch	133	160.000.000
		Có 331	1.760.000.000

Thanh toán hộ tiền vận chuyển :

1b	Nợ	331	3.150.000
		Có 111	3.150.000

Doanh nghiệp chuyển khoản thanh toán :

1c	Nợ	331	1.756.850.000
		Có 112	1.756.850.000

Nhập kho vật liệu phụ :

2a	Nợ	1522	78.000.000
	Nợ	133	7.800.000
		Có 331	85.800.000

Chi phí vận chuyển :

2b	Nợ	1522	2.100.000
	Nợ	133	100.000
		Có 111	2.100.000

Xuất kho nguyên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm :

3	Nợ	621	800.000.000
		Có 1521	800.000.000

Xuất kho vật liệu phụ :

4	Nợ	621	60.000.000
	Nợ	627	20.000.000
		Có 1522	80.000.000

Xuất kho công cụ, dụng cụ :

5a	Nợ	142	20.000.000
		Có 153	20.000.000

Loại phân bổ hai lần :

5b	Nợ	627	10.000.000
		Có 142	10.000.000

Tiền lương phải trả :

6	Nợ	622	300.000.000
	Nợ	627	100.000.000
	Nợ	641	50.000.000
	Nợ	642	100.000.000
	Có	334	550.000.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ :

7	Nợ	622	57.000.000
	Nợ	627	19.000.000
	Nợ	641	9.500.000
	Nợ	642	19.000.000
	Nợ	334	33.000.000
	Có	338	137.500.000

Khấu hao tài sản cố định :

8	Nợ	627	180.000.000
	Nợ	641	30.000.000
	Nợ	642	40.000.000
	Có	214	250.000.000

Chi phí khác phải trả :

9	Nợ	627	20.000.000
	Nợ	641	10.000.000
	Nợ	642	10.000.000
	Nợ	133	4.000.000
	Có	331	44.000.000

Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm :

10	Nợ	154	1.566.000.000
	Có	621	860.000.000
	Có	622	357.000.000
	Có	627	349.000.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{40.000.000 + 800.000.000}{4.000 + 200} * 200 = 40.000.000$$

Tổng giá thành nhập kho :

$$Z = 40.000.000 + 1.566.000.000 - 40.000.000 = 1.566.000.000$$

Giá thành đơn vị sản phẩm :

$$Z_{\text{đơn vị}} = \frac{1.566.000.000}{4.000} = 391.500 \text{ đồng/sản phẩm}$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

8b	Nợ	155	1.566.000.000
		Có	154
			1.566.000.000

Bài tập số 10

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến hoạt động trong kỳ được kế toán ghi nhận như sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản.

- Tài khoản 152 : 5.000 kg, đơn giá là 6.000 đồng/kg.
- Tài khoản 155 : 1.000 sản phẩm, đơn giá là 80.000 đồng/sản phẩm.
- Tài khoản 157 : 100 sản phẩm, đơn giá là 80.000 đồng/sản phẩm.

Tài liệu 2 : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ

1. Nhập kho 5.000 kg nguyên vật liệu, đơn giá 5.900 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển là 550.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT thanh toán bằng tiền mặt.

2. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 20.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý phân xưởng là 10.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 16.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 14.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
4. Xuất kho một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 3 lần, trị giá ban đầu là 3.000.000 đồng, được sử dụng ở bộ phận bán hàng.
5. Xuất kho 8.000 kg nguyên vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm, 500 kg cho bộ phận quản lý phân xưởng, 100 kg cho bộ phận bán hàng.
6. Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận sản xuất là 3.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 2.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
7. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 19.800.000 đồng, phân bổ cho bộ phận sản xuất là 8.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 6.000.000 và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
8. Khách hàng thông báo đã chấp nhận mua lô hàng gửi đi bán kỳ trước, giá bán 120.000 đồng, thuế GTGT 10%.
9. Nhập kho 1.000 thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 4.800.000 đồng, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ 100, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
10. Xuất kho 1.000 thành phẩm đi tiêu thụ, giá bán 110.000 đồng, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Lời giải đề nghị :**Nhập kho nguyên vật liệu :**

1a	Nợ	152	29.500.000
	Nợ	133	2.950.000
	Có	331	32.450.000 :

Ch phí vận chuyển :

1b	Nợ	152	500.000
	Nợ	133	50.000
	Có	111	550.000

Tiền lương phải trả :

2	Nợ	622	20.000.000
	Nợ	627	10.000.000
	Nợ	641	16.000.000
	Nợ	642	14.000.000
	Có	334	60.000.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ :

3	Nợ	622	3.800.000
	Nợ	627	1.900.000
	Nợ	641	3.040.000
	Nợ	642	2.660.000
	Nợ	334	3.600.000
	Có	338	15.000.000

Xuất kho công cụ, dụng cụ thuộc loại phân bổ nhiều lần :

4a	Nợ	142	3.000.000
	Có	153	3.000.000

Phân bổ lần 1 :

4b	Nợ	641	1.000.000
	Có	142	1.000.000

Xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm :

5	Nợ	621	48.000.000
		Có 152	48.000.000

Khấu hao tài sản cố định :

6	Nợ	627	5.000.000
	Nợ	641	2.000.000
	Nợ	642	4.000.000
		Có 214	11.000.000

Chi phí khác phải trả :

7	Nợ	627	8.000.000
	Nợ	641	6.000.000
	Nợ	642	4.000.000
	Nợ	133	1.800.000
		Có 331	19.800.000

Khách hàng chấp nhận mua hàng kỳ trước :

8a	Nợ	632	8.000.000
		Có 157	8.000.000

Ghi nhận doanh thu :

8b	Nợ	131	13.200.000
		Có 511	12.000.000
		Có 3331	1.200.000

Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm :

9a	Nợ	154	99.700.000
		Có 621	48.000.000
		Có 622	23.800.000
		Có 627	27.900.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{4.800.000 + 48.000.000}{1.000 + 100} * 100 = 4.800.000$$

Tổng giá thành nhập kho :

$$Z = 4.800.000 + 99.700.000 - 4.800.000 = 99.700.000$$

Giá thành đơn vị sản phẩm :

$$Z_{\text{đơn vị}} = \frac{99.700.000}{1.000} = 99.700 \text{ đồng/sản phẩm}$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

9b	Nợ	155	99.700.000
		Có 154	99.700.000

Xuất kho thành phẩm :

10a	Nợ	632	80.000.000
		Có 155	80.000.000

Ghi nhận doanh thu :

10b	Nợ	131	121.000.000
		Có 511	110.000.000
		Có 3331	11.000.000

Kết chuyển chi phí kinh doanh để tính lãi lỗ :

11a	Nợ	911	141.300.000
		Có 632	88.000.000
		Có 641	30.640.000
		Có 642	22.660.000

Kết chuyển doanh thu :

11b	Nợ	511	122.000.000
		Có 911	122.000.000

Kết chuyển lãi lỗ :

12	Nợ	421	19.300.000
		Có	911
			19.300.000

BÀI TẬP TỰ GIẢI

Bài tập số 01

Tại một doanh nghiệp có số liệu đầu kỳ của các tài khoản được kế toán tập hợp như sau (đơn vị tính : đồng) :

- Phải trả cho người bán	300.000.000 đồng
- Quỹ dự phòng phải trả	20.000.000 đồng
- Phải thu khách hàng	200.000.000 đồng
- Chi phí trả trước	50.000.000 đồng
- Phải trả khác	100.000.000 đồng
- Nguyên vật liệu (50.000kg)	200.000.000 đồng
- Phải thu khác	19.000.000 đồng
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.000.000 đồng
- Tạm ứng	1.000.000 đồng
- Vay ngắn hạn	200.000.000 đồng
- Tiền gửi ngân hàng	200.000.000 đồng
- Nguồn vốn kinh doanh	1.400.000.000 đồng
- TSCĐ	1.600.000.000 đồng
- Hao mòn TSCĐ	400.000.000 đồng
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	50.000.000 đồng
- Công cụ dụng cụ	60.000.000 đồng
- Tiền mặt	150.000.000 đồng

Trong kỳ có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như sau :

1. Nhập kho một công cụ dụng cụ, giá mua ghi trên hóa đơn có thuế GTGT 10% là 11.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt. Công cụ dụng cụ này sử dụng ở bộ phận sản xuất sản phẩm và thuộc loại phân bổ 2 lần. Chi phí vận chuyển là 2.100.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp chi hộ cho bên bán bằng tiền mặt.
2. Thanh lý một TSCĐ sử dụng ở bộ phận sản xuất nguyên giá 300.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm, đã khấu hao hết. Trích khấu hao TSCĐ kỳ này biết rằng mức khấu hao kỳ trước là 25.000.000 đồng và tất cả TSCĐ đều sử dụng ở bộ phận sản xuất.
3. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 40.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 10.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
5. Nhập kho 10.000 kg nguyên vật liệu đơn giá 4.290 đồng/kg, gồm thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển 1.050.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT thanh toán bằng tiền mặt.
6. Xuất kho 5.000 kg nguyên vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm, 1.000 kg dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
7. Xuất kho công cụ dụng cụ ở nghiệp vụ số 1. Phân bổ công cụ dụng cụ đã xuất ở kỳ trước, mỗi kỳ phân bổ 5.000.000 đồng.
8. Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là 20.000.000 đồng, chi phí nhân công trực tiếp là 47.600.000 đồng, chi phí

sản xuất chung là 45.900.000 đồng vào chi phí sản xuất dở dang để xác định thành phẩm.

9. Cuối kỳ, kết chuyển thành phẩm nhập kho 113.500.000 đồng.
10. Tạm ứng 50% tiền lương bằng tiền mặt cho người lao động.
11. Khấu trừ vào tiền lương các khoản bồi thường là 1.000.000 đồng, khoản tạm ứng chưa hoàn trả là 1.000.000 đồng.
12. Thanh toán lương đợt 2 cho người lao động bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.
2. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.
3. Ghi vào sổ nhật ký chung và chuyển sang sổ cái.
4. Lập bảng cân đối tài khoản.
5. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Bài tập số 02

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ như sau :

Tài liệu 1 : Vật liệu tồn kho đầu tháng :

- Nguyên liệu chính : 2.000 kg, đơn giá nhập kho là 2.000 đồng/kg.
- Vật liệu phụ : 1.000 kg, đơn giá là 1.000 đồng/kg.
- Trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ : 1.200.000 đồng.
- Thành phẩm tồn kho đầu kỳ : 200 sản phẩm (đơn giá 38.000 đồng/sp).

Tài liệu 2 : Tình hình nhập xuất vật tư trong kỳ :

1. Nhập kho 3.000 kg nguyên liệu chính giá mua 1.900 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán, chi phí vận chuyển là 330.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
2. Nhập kho 1.000 kg vật liệu phụ giá mua 950 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng TGNH, chi phí vận chuyển 55.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
3. Xuất kho 3.000 kg nguyên vật liệu chính sử dụng ở bộ phận sản xuất sản phẩm. Xuất kho 700 kg vật liệu phụ, trong đó sử dụng để sản xuất sản phẩm là 600 kg, số còn lại sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng sản xuất.

Tài liệu 3 : Tài liệu bổ sung :

1. Tiền lương phải thanh toán cho CB-CNV trực tiếp sản xuất sản phẩm là 8.000.000 đồng; quản lý phân xưởng 1.000.000 đ; bộ phận bán hàng 4.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
2. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định để tính vào các đối tượng chi phí có liên quan kể cả phần trừ BHXH, BHYT của CB-CNV.
3. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất : 20.500.000 đồng, bộ phận bán hàng 440.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 320.000 đồng.
4. Trong tháng nhập kho 1.000 thành phẩm. Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kỳ là 1.200.000 đồng. Biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu chính. Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 6 lần, trị giá xuất kho ban đầu là 6.000.000 đồng, phế liệu hồi bán thu bằng tiền mặt là 200.000 đồng.
6. Chi khác bằng tiền mặt là 90.000 đồng ở bộ phận quản lý phân xưởng, bộ phận bán hàng 600.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 500.000 đồng.
7. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 50.000.000 đồng.
8. Xuất kho đi tiêu thụ 800 sản phẩm, đơn giá 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán 50% bằng TGNH, 50% bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.
2. Tính đơn giá nguyên liệu chính và vật liệu phụ nhập kho.
3. Tính giá thành sản phẩm.
4. Tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Bài tập số 03

Tại một doanh nghiệp có số liệu đầu kỳ của các tài khoản được kế toán tập hợp như sau :

- Phải trả khác	
- Hao mòn TSCĐ	300.000.000 đồng
- Tiền mặt	100.000.000 đồng
- Vay ngắn hạn	200.000.000 đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000 đồng
- Công cụ dụng cụ	100.000.000 đồng

– Nguồn vốn kinh doanh	1.600.000.000 đồng
– Phải thu khách hàng	200.000.000 đồng
– TSCĐ hữu hình	1.550.000.000 đồng
– Tiền gửi ngân hàng	300.000.000 đồng
– Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	70.000.000 đồng
– Phải trả cho người bán	100.000.000 đồng
– Hàng hóa (2.000 sp A)	100.000.000 đồng

Trong kỳ có một số nghiệp vụ phát sinh như sau :

1. Mua một công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận bán hàng và thuộc loại phân bổ 6 kỳ, trị giá 6.380.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí phát sinh liên quan đến công cụ dụng cụ này, doanh nghiệp đã thanh toán theo hóa đơn có 5% thuế GTGT là 210.000 đồng bằng tiền mặt.
2. Ngân hàng báo có khoản tiền người mua thanh toán cho doanh nghiệp là 200.000.000 đồng và báo nợ khoản tiền doanh nghiệp thanh toán cho người bán là 100.000.000 đồng.
3. Mua một TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm, giá mua trên hóa đơn có 10% thuế GTGT là 638.000.000 đồng, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử được kế toán tập hợp lại như sau :
 - a. Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán là 3.000.000 đồng.
 - b. Các chi phí phát sinh liên quan đến TSCĐ này thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng.
 - c. Chi phí thuê chuyên gia lắp đặt và vận hành thanh toán bằng chuyển khoản 12.000.000 đồng.

4. Tiền lương phải trả cho nhân viên ở bộ phận bán hàng là 20.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể phần trừ lương về các khoản BHXH, BHYT của người lao động.
6. Nhập kho 10.000 sản phẩm A, đơn giá 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho khách hàng. Người bán giao hàng tại kho của doanh nghiệp.
7. Thanh lý một TSCĐ đã khấu hao hết có nguyên giá ghi trong sổ sách là 300.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm sử dụng ở bộ phận bán hàng.
8. Xuất kho bán trực tiếp cho khách hàng K 4.000 sản phẩm A, đơn giá bán 80.000 đồng, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 50%, số còn lại nợ. Áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
9. Mức khấu hao đầu kỳ ở bộ phận bán hàng 15.200.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 8.100.000 đồng.
10. Tạm ứng 50% lương đợt 1 cho CB-CNV bằng tiền mặt. Xuất kho công cụ dụng cụ ở nghiệp vụ số 1.
11. Tính tiền lương trả đợt 2 bằng tiền mặt cho CB-CNV.
12. Kết chuyển giá vốn hàng bán 200.000.000 đồng, chi phí bán hàng 35.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 25.000.000 đồng. Kết chuyển doanh thu 320.000.000 đồng. Kết chuyển lãi 60.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.

2. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.
3. Lập bảng cân đối tài khoản.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Bài tập số 04

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong tháng 05/2007 của một số tài khoản như sau :

- Tài khoản 1521 : 24.000.000 đồng (số lượng 4.000 kg)
- Tài khoản 1522 : 4.000.000 đồng (số lượng 2.000 kg)
- Tài khoản 154 : 8.000.000 đồng

Các tài khoản khác có số dư đầu tháng giả định (xxx).

Trong tháng 05/2007 phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau :

1. Nhập kho 6.000 kg vật liệu chính và 3.000 kg vật liệu phụ. Giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 5.850 đồng/kg vật liệu chính và 1.900 đồng/kg vật liệu phụ, thuế suất GTGT là 10%. Doanh nghiệp đã thanh toán tiền cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt cho người vận chuyển : giá cước có thuế GTGT 1.260.000 đồng, thuế GTGT 5%. Biết rằng, chi phí vận chuyển 1 kg vật liệu chính bằng 1,5 lần chi phí vận chuyển 1 kg vật liệu phụ.
2. Xuất kho vật liệu :

Chỉ tiêu	Vật liệu chính (kg)	Vật liệu phụ (kg)
- Sản xuất sản phẩm	6.500	4.000
- Quản lý phân xưởng	-	200
- Hoạt động bán hàng	200	100
- Quản lý doanh nghiệp	300	100

3. Trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí của tháng 05/2007 :
- Tài sản cố định dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm, nguyên giá là 240.000.000 đồng, biết rằng tỷ lệ khấu hao năm là 12%.
 - Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động bán hàng, nguyên giá là 60.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 15%.
 - Tài sản cố định khác dùng cho quản lý doanh nghiệp, nguyên giá : 48.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 14%.
4. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí :
- | | |
|---|-----------------|
| - Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm : | 40.000.000 đồng |
| - Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng : | 12.000.000 đồng |
| - Tiền lương của bộ phận bán hàng : | 15.000.000 đồng |
| - Tiền lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp : | 18.000.000 đồng |
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, kể cả phần trừ lương của CB-CNV về khoản BHXH, BHYT.
6. Tiền điện trả bằng tiền mặt dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT : 300.000 đồng. Vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm sử dụng không hết nhập lại kho nguyên vật liệu chính là 2.040.000 đồng.
7. Báo cáo kết quả sản xuất nhập kho 9.000 sản phẩm. Chi phí sản xuất dở dang của sản phẩm vào lúc cuối kỳ là : 8.140.000 đồng.

8. Xuất kho bán trực tiếp 6.000 sản phẩm, đơn giá 1 sp là 20.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT phải nộp là 10%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.
9. Thông báo cơ quan thuế tạm nộp trong kỳ thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
10. Doanh nghiệp đã chi tiền mặt nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản, phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản.
2. Phản ánh vào sổ nhật chung và sổ cái.
3. Tính kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

Bài tập số 05

Tại một doanh nghiệp sản xuất và thương mại Thành Hưng có số liệu đầu kỳ của các tài khoản được kế toán tập hợp như sau :

- Hao mòn TSCĐ	300.000.000 đồng
- Tiền mặt	100.000.000 đồng
- Vay ngắn hạn	200.000.000 đồng
- Quỹ dự phòng phải trả	30.000.000 đồng
- Tiền gửi ngân hàng	300.000.000 đồng
- Phải trả cho người bán	100.000.000 đồng
- Hàng hóa (2.000 sp A)	100.000.000 đồng
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	70.000.000 đồng
- Phải trả khác	100.000.000 đồng
- Công cụ dụng cụ	100.000.000 đồng

- Nguồn vốn kinh doanh	1.600.000.000 đồng
- Phải thu khách hàng	200.000.000 đồng
- TSCĐ hữu hình	1.580.000.000 đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000 đồng

Trong kỳ có một số nghiệp vụ phát sinh như sau :

1. Mua một công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận bán hàng và thuộc loại phân bổ 6 kỳ, trị giá 6.380.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí phát sinh liên quan đến công cụ dụng cụ này, doanh nghiệp đã thanh toán theo hóa đơn có 5% thuế GTGT là 210.000 đồng bằng tiền mặt.
2. Ngân hàng báo có khoản tiền người mua thanh toán cho doanh nghiệp là 200.000.000 đồng và báo nợ khoản tiền doanh nghiệp thanh toán cho người bán là 100.000.000 đồng.
3. Mua một TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm, giá mua trên hóa đơn có 10% thuế GTGT là 638.000.000 đồng, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử được kế toán tập hợp lại như sau :
 - a. Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán là 3.000.000 đồng.
 - b. Các chi phí phát sinh liên quan đến TSCĐ này thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng.
 - c. Chi phí thuê chuyên gia lắp đặt và vận hành thanh toán bằng chuyển khoản 12.000.000 đồng.
4. Tiền lương phải trả cho nhân viên ở bộ phận bán hàng là 20.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.

5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể phần trừ lương về các khoản BHXH, BHYT của người lao động.
6. Nhập kho 10.000 sản phẩm A, đơn giá 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho khách hàng. Người bán giao hàng tại kho của doanh nghiệp.
7. Thanh lý một TSCĐ đã khấu hao hết có nguyên giá ghi trong sổ sách là 300.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm sử dụng ở bộ phận bán hàng.
8. Xuất kho bán trực tiếp cho khách hàng K 4.000 sản phẩm A, đơn giá bán 80.000 đồng, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 50%, số còn lại nợ. Áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
9. Mức khấu hao đầu kỳ ở bộ phận bán hàng 15.200.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 8.100.000 đồng.
10. Tạm ứng 50% lương đợt 1 cho CB-CNV bằng tiền mặt. Xuất kho công cụ dụng cụ ở nghiệp vụ số 1.
11. Tính tiền lương trả đợt 2 bằng tiền mặt cho CB-CNV.
12. Kết chuyển giá vốn hàng bán 200.000.000 đồng, chi phí bán hàng 35.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 25.000.000 đồng. Kết chuyển doanh thu 320.000.000 đồng. Kết chuyển lãi 60.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.
2. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào sổ nhật ký chung và sau đó phản ánh vào sổ cái.
3. Lập bảng cân đối tài khoản.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Bài tập số 06

Công ty TNHH Tân Trường Sanh mới đi vào hoạt động ngày 5/3/2007, với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng, gồm văn phòng làm việc 850.000.000 đồng, thiết bị văn phòng 120.000.000 đồng, công cụ dụng cụ 50.000.000 đồng, tiền mặt 180.000.000 đồng và tiền gửi ngân hàng 300.000.000 đồng. Công ty đăng ký nộp thuế GTGT khấu trừ, đánh giá tồn kho theo phương pháp bình quân. Trong tháng 3/2007 công ty có các nghiệp vụ sau :

1. Ngày 5/3 : Mua hàng M để kinh doanh, gồm 10.000 sản phẩm, đơn giá (chưa thuế) 86.000 đồng, thuế 10%. Đã thanh toán bằng chuyển khoản.
2. Ngày 8/3 : Rút tiền gửi ngân hàng về tiền mặt là 200.000.000 đồng. Chi tiền quảng cáo 15.000.000 đồng, thuế 10%.
3. Ngày 10/3 : Xuất bán 6.000 sản phẩm, đơn giá chưa thuế 105.000 đồng, thuế 10%. Đã thu bằng chuyển khoản.
4. Ngày 15/3 : Chi tiền mặt cho ngày khai trương công ty 12.400.000 đồng.
5. Ngày 16/3 : Xuất bán thu tiền mặt 3.000 sản phẩm, đơn giá chưa thuế 100.000 đồng, thuế 10%.
6. Ngày 18/3 : Chi phí đăng ký mộc và con dấu của công ty là 300.000 đồng. chi phí hành chánh khác 1.200.000 đồng, đã chi bằng tiền mặt.
7. Ngày 20/3 : Mua chịu 10.000 sản phẩm, đơn giá chưa thuế 88.000 đồng, thuế 10%. Đã nhập kho đủ
8. Ngày 25/3 : Nhận hóa đơn dịch vụ gồm :
 - Tiền điện phải trả (chưa thuế) 2.800.000 đồng (tính hết cho bộ phận văn phòng), thuế 10%.
 - Tiền điện thoại phải trả 1.738.000 đồng phục vụ quản lý chung, thuế 10%.

- Tiền nước phải trả 1.253.000 đồng, thuế 5% phục vụ quản lý chung.
- 9. Ngày 28/3 : Chi tiền mặt tạm ứng tiền lương cho nhân viên bán hàng 2.400.000 đồng, nhân viên quản lý 3.000.000 đồng.
- 10. Ngày 30/3 : Tính tiền lương phải trả nhân viên bán hàng trong tháng là 14.000.000 đồng nhân viên quản lý 15.200.000 đồng đồng thời trích các khoản trên tiền lương bằng 19% tính vào chi phí, 6% trừ vào lương của người lao động.
- 11. Ngày 30/3 : Tính khấu hao tài sản trong tháng của bộ phận bán hàng 2.400.000 đồng, và bộ phận quản lý 2.900.000 đồng.
- 12. Thuế thu nhập tạm nộp là 2.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối đầu kỳ ngày 5/3/2007 của công ty.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên và xác định kết quả kinh doanh cuối tháng.
3. Mở tài khoản ghi số dư đầu, số phát sinh, và tính số dư cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối cuối kỳ ngày 31/3/2007 của công ty.

Bài tập số 07

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận trong các tài liệu sau :

Số dư đầu tháng 10/2007 của một số tài khoản :

- Nguyên vật liệu X : 500 kg x 60.000 đồng/kg.
- Nguyên vật liệu Y : 300 kg x 29.500 đồng/kg.
- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ : 1.720.000 đồng.
- Thành phẩm : 600 sản phẩm x 50.000 đồng/sản phẩm.

Tình hình phát sinh trong tháng 10/2007 :

1. Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu X; giá mua theo hóa đơn 55.000 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%. Nhập kho 500 kg nguyên vật liệu Y; giá hóa đơn 27.500 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%. Biết rằng lô nguyên vật liệu này chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt 150.000 đồng, được phân bổ cho mỗi loại vật liệu theo tiêu thức trọng lượng nhập kho.
2. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 36.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 12.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 14.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ 19% tính vào các chi phí có liên quan; 6% khấu trừ lương nhân viên.
4. Xuất kho vật liệu X để sản xuất sản phẩm 750 kg. Xuất kho vật liệu Y để sản xuất sản phẩm là 250 kg, phục vụ cho phân xưởng sản xuất 50 kg.
5. Chi phí khác thanh toán bằng tiền mặt là 12.880.000 đồng, thuế GTGT 10%, chi phí này phân bổ cho phân xưởng sản xuất là 6.400.000 đồng, bộ phận bán hàng 2.680.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 3.000.000 đồng.
6. Khấu hao TSCĐ trích trong tháng ở Phân xưởng sản xuất : 3.800.000 đồng; Bộ phận bán hàng : 1.500.000 đồng; Bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.200.000 đồng.
7. Kết quả sản xuất hoàn thành nhập kho 500 sản phẩm biết rằng, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ 3.100.000 đồng.
8. Xuất kho 300 sản phẩm bán trực tiếp cho khách hàng. Giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 40.000 đồng/sản phẩm, tiền bán hàng thu bằng chuyển khoản phân nửa; phần còn lại khách hàng nợ.

9. Thông báo thuế thu nhập tạm nộp trong kỳ 4.000.000 đồng.
10. Doanh nghiệp dùng tiền mặt để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông báo của cơ quan thuế.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản, phản ánh vào sơ đồ tài khoản.
2. Tính giá thành đơn vị sản phẩm.
3. Xác định kết quả kinh doanh. Biết rằng, vật liệu, thành phẩm xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Bài tập số 08

Tại một doanh nghiệp có số liệu đầu kỳ của các tài khoản được kế toán tập hợp như sau (đơn vị tính : đồng) :

- Vay ngắn hạn	200.000.000 đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.000.000 đồng
- Tiền gửi ngân hàng	200.000.000 đồng
- Phải trả cho người bán	200.000.000 đồng
- Phải thu khách hàng	200.000.000 đồng
- TSCĐ hữu hình	1.200.000.000 đồng
- Hao mòn TSCĐ	200.000.000 đồng
- Tiền mặt	100.000.000 đồng
- Hàng hóa (5.000 sp A)	200.000.000 đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.000.000 đồng
- Công cụ dụng cụ	100.000.000 đồng
- Nguồn vốn kinh doanh	1.500.000.000 đồng
- Dự phòng phải trả	100.000.000 đồng

Trong kỳ có một số nghiệp vụ phát sinh như sau :

1. Nhập kho 10.000 sản phẩm A, đơn giá 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho khách hàng. Người bán giao hàng tại kho của doanh nghiệp.
2. Mua một TSCĐ sử dụng ở bộ phận bán hàng, thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm, giá mua trên hóa đơn có 10% thuế GTGT là 638.000.000 đồng, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử được kế toán tập hợp lại như sau :
 - a. Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán là 6.000.000 đồng.
 - b. Các chi phí phát sinh liên quan đến TSCĐ này thanh toán bằng tiền mặt là 4.000.000 đồng.
 - c. Chi phí thuê chuyên gia lắp đặt và vận hành thanh toán bằng chuyển khoản 10.000.000 đồng.
3. Xuất kho bán trực tiếp cho khách hàng K 4.000 sản phẩm A, đơn giá bán 66.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 50%, số còn lại nợ. Áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
4. Mua một công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận bán hàng và thuộc loại phân bổ 7 kỳ, trị giá 7.480.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí phát sinh liên quan đến công cụ dụng cụ này, doanh nghiệp đã thanh toán theo hóa đơn có 5% thuế GTGT là 210.000 đồng bằng tiền mặt.
5. Ngân hàng báo có khoản tiền người mua thanh toán cho doanh nghiệp là 200.000.000 đồng và báo nợ khoản tiền doanh nghiệp thanh toán cho người bán là 200.000.000 đồng.

6. Tiền lương phải trả cho nhân viên ở bộ phận bán hàng là 20.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể phần trừ lương về các khoản BHXH, BHYT của người lao động.
8. Mức khấu hao đầu kỳ ở bộ phận bán hàng 5.200.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 13.100.000 đồng.
9. Tạm ứng 50% lương đợt 1 cho CB-CNV bằng tiền mặt.
10. Xuất kho công cụ dụng cụ ở nghiệp vụ số 4.
11. Tính tiền lương trả đợt 2 bằng tiền mặt cho CB-CNV.
12. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ dụng cụ có trị giá ban đầu là 8.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 8 lần, trị giá phế liệu thu hồi là 300.000 đồng, thu bằng tiền mặt.
13. Kết chuyển giá vốn hàng bán 160.000.000 đồng, chi phí bán hàng 35.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 25.000.000 đồng. Kết chuyển doanh thu 240.000.000 đồng. Kết chuyển lãi 20.000.000 đồng.
14. Doanh nghiệp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.
2. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.
3. Lập bảng cân đối tài khoản.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Bài tập số 09

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động trong kỳ như sau :

Tài liệu 1 : Vật liệu tồn kho đầu tháng 4/2007 :

- Vật liệu chính : 1.000 kg, 4.000 đồng/kg
- Vật liệu phụ : 300 kg, 2.000 đồng/kg

Tài liệu 2 : Tình hình phát sinh trong tháng 4/2007 :

1. Nhập vật liệu chưa trả tiền người bán : Vật liệu chính 5.000 kg, giá mua 3.600 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Vật liệu phụ 1.700 kg, giá mua 1.900 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển bốc dỡ 2 loại vật liệu này là 1.320.000 đồng, phân bổ cho từng loại theo tỷ lệ với trọng lượng nhập kho. Khoản chi này trả bằng tiền mặt.
2. Nhập kho công cụ dụng cụ trả bằng TGNH là 880.000 đồng, trong đó thuế GTGT được khấu trừ là 10%.
3. Mua TSCĐ hữu hình có giá mua 40.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, trả bằng TGNH, chi phí trước khi sử dụng được tập hợp như sau : Tiền lương phải trả cho công nhân là 200.000 đồng, vật liệu phụ sử dụng 100 kg, các khoản phải trả khác bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng. TSCĐ này được mua bằng quỹ đầu tư phát triển.
4. Xuất kho 3.500 kg vật liệu chính để trực tiếp sản xuất sản phẩm.
5. Xuất kho 600 kg vật liệu phụ sử dụng cho trực tiếp sản xuất sản phẩm 500 kg, dùng ở phân xưởng 100 kg.
6. Xuất kho 1 công cụ dụng cụ dùng ở phân xưởng sản xuất có trị giá 400.000 đồng, và phân bổ 2 lần.

Tài liệu 3 : Tình hình tăng giảm TSCĐ trong tháng 4/2007 như sau :

1. Mua dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm nguyên giá là 400.000.000 đồng, tỷ lệ trích khấu hao 12%/năm.
2. Thanh lý máy móc thiết bị cũ tại xưởng sản xuất sản phẩm trị giá 200.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 15%/năm.
3. Mức trích khấu hao vào tháng 3/2003 là 50.000.000 đồng.
4. Tất cả các TSCĐ tăng giảm trong các kỳ là tại phân xưởng sản xuất sản phẩm.

Yêu cầu :

Tính mức khấu hao phải trích trong tháng 4/2007. Định khoản và hạch toán vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài tập số 10

Tại một doanh nghiệp sản xuất, vào ngày 31/12/2007, tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp gồm có (Đơn vị tính : đồng).

- Tiền mặt	6.000.000
- Tiền gửi ngân hàng	24.000.000
- Phải thu của khách hàng	10.000.000
- Nhiên liệu, vật liệu	10.000.000
- Công cụ, dụng cụ	5.000.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.000.000
- Thành phẩm	40.000.000
- Tài sản cố định hữu hình	120.000.000
- Hao mòn tài sản cố định	20.000.000

- Phải trả cho người bán x
- Nguồn vốn kinh doanh 150.000.000

Trong tháng 1/2008 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau :

1. Mua vật liệu nhập kho, giá mua 100.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 10% trên giá mua, chưa trả tiền người bán. Chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10% trả bằng tiền mặt.
2. Xuất vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm trị giá 50.000.000 đồng.
3. Xuất công cụ dùng cho việc quản lý phân xưởng sản xuất, trị giá 4.000.000 đồng, loại phân bổ 2 lần.
4. Xuất kho thành phẩm bán trực tiếp cho khách hàng, giá xuất kho : 40.000.000 đồng, giá bán 60.000.000 đồng, thuế GTGT 10% trên giá bán, khách hàng chưa thanh toán.
5. Chi tiền mặt tạm ứng cho CB-CNV mua văn phòng phẩm sử dụng ở bộ phận văn phòng của doanh nghiệp.
6. Tiền lương phải trả công nhân viên bao gồm :
 - Công nhân sản xuất sản phẩm 20.000.000 đồng
 - Nhân viên quản lý phân xưởng 1.000.000 đồng
 - Nhân viên bán hàng 1.000.000 đồng
 - Nhân viên quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đồng
7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định đưa vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương CB-CNV về các khoản BHXH và BHYT.
8. Trích khấu hao tài sản cố định :
 - Chuyên dùng sản xuất sản phẩm 2.000.000 đồng
 - Dùng cho quản lý phân xưởng 1.200.000 đồng

- Dùng cho bộ phận bán hàng 2.000.000 đồng
 - Dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.600.000 đồng
9. Chi phí khác bằng tiền mặt tính cho :
- Phân xưởng sản xuất 1.410.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng 2.170.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.520.000 đồng
10. Nhập kho một số thành phẩm, cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng 1/2008 là : 4.200.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Mở tài khoản đầu tháng 1/2008.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào tài khoản.
3. Xác định kết quả kinh doanh của tháng 1/2008.
4. Lập bảng cân đối tài khoản, bảng cân đối kế toán vào cuối tháng 1/2008.

Bài tập số 11

Tại một doanh nghiệp có một phân xưởng sản xuất ra hai loại sản phẩm A, B có các tài liệu như sau : (Đơn vị tính : đồng)

Số dư đầu tháng của các tài khoản :

Tài khoản 111 :	3.000.000 đồng
Tài khoản 311 :	2.500.000 đồng
Tài khoản 331 :	1.500.000 đồng
Tài khoản 152 :	12.000.000 đồng
Tài khoản 1521 :	2.000 kg, đơn giá 14.500 đồng/kg
Tài khoản 1522 :	1.500 kg, đơn giá 4.500 đồng/kg

Tài khoản 411 : 56.000.000 đồng

Tài khoản 154 : 500.000 đồng

Sản phẩm A : 300.000 đồng

Sản phẩm B : 200.000 đồng

Tài khoản 211 : 50.000.000 đồng

Tài khoản 214 : 5.500.000 đồng

- Tình hình các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng được biết qua các tài liệu sau :

Tài liệu 1 : Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh liên quan đến các hoạt động gồm :

- Tiền lương phải thanh toán : tự xác định.
- Các khoản trích theo lương (19%) : 7.600.000 đồng.
- Vật liệu chính : xem tài liệu 2.
- Vật liệu phụ : xem tài liệu 2.
- Khấu hao tài sản cố định : tự xác định.
- Chi phí khác bằng tiền : 12.600.000 đồng, thuế GTGT.

Tài liệu 2 : Tình hình nhập xuất vật liệu phát sinh trong tháng :

1. Nhập kho vật liệu chưa trả tiền cho người bán : vật liệu chính : 6.000 kg, giá mua chưa có thuế 14.200 đồng/kg, vật liệu phụ 1.000 kg, giá mua chưa có thuế 4.800 đồng/kg, thuế GTGT cho cả hai loại vật liệu này là 10%. Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt là 3.500.000 đồng, thuế GTGT 10%, phân bổ cho từng loại vật liệu theo tỷ lệ với trọng lượng nhập kho.
2. Xuất kho 3.000 kg vật liệu chính để trực tiếp sản xuất sản phẩm (sản phẩm A : 60%; sản phẩm B : 40%)

3. Xuất kho 1.200 kg vật liệu phụ dùng cho các hoạt động (sản phẩm A : 50%; sản phẩm B : 30%, phục vụ ở phân xưởng : 10%, bộ phận bán hàng : 5%, bộ phận quản lý doanh nghiệp : 5%)
4. Vật liệu xuất kho tính theo phương pháp đơn giá bình quân.

Tài liệu 3 : Tình hình thành phẩm nhập xuất trong tháng :

1. Sản phẩm sản xuất hoàn thành nhập kho thành phẩm, cho biết :
 - Sản phẩm A : 1.000 sản phẩm, giá thành thực tế nhập kho một sản phẩm : 12.000 đồng.
 - Sản phẩm B : 500 sản phẩm, giá thành thực tế nhập kho một sản phẩm : 16.000 đồng.
2. Xuất kho 800 sản phẩm A và 400 sản phẩm B để bán trực tiếp cho khách hàng, giá bán chưa có thuế một sản phẩm A là 17.000 đồng/sản phẩm và một sản phẩm B là 21.000 đồng/sản phẩm thuế GTGT là 10%. Tiền bán hàng thu 70% bằng tiền gửi ngân hàng và 30% cho khách hàng nợ.

Tài liệu 4 : Tình hình khác phát sinh trong tháng :

1. Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm A, tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm B.
2. Chi phí bán hàng = $1/8$ giá vốn bán hàng.
3. Khấu hao TSCĐ tính cho phân xưởng gấp đôi số khấu hao tính cho bộ phận bán hàng cũng như bộ phận quản lý doanh nghiệp.
4. Tiền lương công nhân của nhân viên bán hàng = $5/4$ tiền lương nhân viên phân xưởng, còn tiền lương nhân viên quản lý doanh nghiệp = $3/5$ tiền lương nhân viên bán hàng.
5. Chi phí trả bằng tiền mặt chỉ liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong kỳ bằng tiền mặt là 4.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Xác định loại và mức chi phí liên quan đến các đối tượng chịu chi phí. Phản ánh vào sơ đồ tài khoản chữ T.
2. Kết chuyển các tài khoản có liên quan để xác định lãi, lỗ và tiến hành khấu trừ thuế GTGT để xác định số thuế cần phải nộp.
3. Xác định số dư cuối tháng để lập bảng cân đối kế toán.

Bài tập số 12

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Doanh nghiệp mua sắm mới 1 tài sản cố định hữu hình, giá mua chưa có thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 118.500.000 đồng, thuế GTGT 10%, đã được doanh nghiệp trả bằng tiền gửi ngân hàng, chi phí phát sinh trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp như sau :
 - Tiền lương phải trả cho người lao động là 1.000.000 đồng.
 - Vật liệu phụ xuất dùng là 200.000 đồng.
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng 100.000 đồng.
 - Các khoản chi khác bằng tiền mặt là 200.000 đồng.
 - Doanh nghiệp đã tăng vốn kinh doanh từ vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo nguyên giá của tài sản cố định này.
2. Tổng số tiền lương phải thanh toán cho người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh là 50.000.000 đồng, phân bổ cho các đối tượng sau :

- Sản xuất kinh doanh chính : 28.000.000 đồng
 - Quản lý phân xưởng : 10.000.000 đồng
 - Quản lý doanh nghiệp : 5.000.000 đồng
 - Hoạt động bán hàng : 7.000.000 đồng
3. Trích lập các khoản phải trả tính trên tiền lương theo quy định hiện hành.
 4. Nhận vốn liên doanh của đơn vị khác bằng tài sản cố định hữu hình. Theo thỏa thuận của hai bên thì giá trị thỏa thuận được chấp nhận là 40.000.000 đồng. Biết rằng giá trị còn lại của tài sản cố định này là 50.000.000 đồng, giá trị đã hao mòn là 10.000.000 đồng.
 5. Mua 1 tài sản cố định giá mua trên hóa đơn là 838.500.000 đồng, thuế GTGT là 10% tiền chưa thanh toán cho người bán. Chi phí trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp gồm : vận chuyển, bốc dỡ là 500.000 đồng chưa thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ, tiền lương phải trả là 500.000 đồng, các khoản trích theo lương là 95.000 đồng, chi phí lắp đặt, vận hành máy 205.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt, vật liệu phụ xuất dùng là 200.000 đồng.
 6. Xuất kho nguyên vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm là 100.000.000 đồng.
 7. Khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất là 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
 8. Xuất kho một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần, trị giá xuất kho ban đầu là 6.000.000 đồng.
 9. Chi tiền mặt để thanh toán lương cho người lao động sau khi trừ các khoản trừ lương và khoản tiền lương mà doanh nghiệp giữ hộ là 6.000.000 đồng.

10. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 16.500.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận sản xuất 8.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 4.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 3.000.000 đồng.
11. Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán theo hóa đơn thuế GTGT là 6.600.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT phân bổ cho bộ phận quản lý phân xưởng là 2.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 3.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 1.000.000 đồng.
12. Cuối kỳ nhập kho 2.000 thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ 400.000 đồng, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 600.000 đồng. Doanh nghiệp đánh giá chi phí sản xuất dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu trực tiếp.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính giá thành đơn vị sản phẩm.

Bài tập số 13

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các tài liệu sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 1.300.000 đồng.

Tình hình phát sinh trong tháng :

1. Xuất kho vật liệu có trị giá 80.000.000 đồng sử dụng cho :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : 64.000.000 đồng.
 - Phục vụ ở phân xưởng sản xuất : 8.000.000 đồng.
 - Bộ phận bán hàng : 3.000.000 đồng.
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 5.000.000 đồng.
2. Tiền lương phải thanh toán cho người lao động là 32.000.000 đồng trong đó :

- Công nhân trực tiếp sản xuất : 18.000.000 đồng.
 - Nhân viên phân xưởng : 4.000.000 đồng.
 - Nhân viên bán hàng : 4.000.000 đồng.
 - Nhân viên quản lý doanh nghiệp : 6.000.000 đồng.
3. Trích lập các khoản phải trả theo lương theo quy định.
 4. Khấu hao tài sản cố định là 20.000.000 đồng phân bổ cho :
 - Phân xưởng sản xuất : 12.000.000 đồng.
 - Bộ phận bán hàng : 3.000.000 đồng.
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 500.000 đồng.
 5. Trong tháng sản xuất hoàn thành 2.000 sản phẩm đã nhập kho thành phẩm cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng 1.180.000 đồng.
 6. Xuất kho 1.600 sản phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng X, giá bán chưa có thuế là 100.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%. Tiền bán hàng khách hàng chưa thanh toán.
 7. Khách hàng thanh toán tiền mua sản phẩm cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng cho lô hàng 1.600 sản phẩm, chiết khấu thanh toán cho khách hàng được hưởng là 1% giá bán chưa có thuế.
 8. Xuất kho 200 sản phẩm để bán cho khách hàng Y, giá bán có thuế GTGT là 120.000 đồng/sản phẩm, trong đó thuế GTGT là 10%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm nhập kho.
3. Tiến hành kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Bài tập số 14

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến hoạt động trong kỳ được kế toán ghi nhận như sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản.

- Tài khoản 152 : 1.000 kg, đơn giá là 20.000 đồng/kg.
- Tài khoản 155 : 1.000 sản phẩm, đơn giá là 100.000 đồng/sản phẩm.
- Tài khoản 157 : 500 sản phẩm, đơn giá là 100.000 đồng/sản phẩm.

Tài liệu 2 : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

1. Nhập kho 10.000 kg nguyên vật liệu, đơn giá 19.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí vận chuyển là 10.000.000 đồng, thuế GTGT 5%, thanh toán bằng tiền mặt.
2. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 20.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý phân xưởng là 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 10.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
4. Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận sản xuất là 6.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 2.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
5. Xuất kho một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần, trị giá ban đầu là 6.000.000 đồng, phân bổ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ 3 : 2.
6. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 15.400.000 đồng, phân bổ cho bộ

phận sản xuất là 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 5.000.000 và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.

7. Xuất kho 5.000 kg nguyên vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm, 100 kg cho bộ phận quản lý phân xưởng, 200 kg cho bộ phận bán hàng, và 100 kg cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.
8. Nhập kho 2.000 thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 5.000.000 đồng, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ 200, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
9. Xuất kho 1.000 thành phẩm đi tiêu thụ, giá bán 198.000 đồng, gồm thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.
10. Khách hàng thông báo nhận được lô hàng kỳ trước và đã chuyển khoản thanh toán lô hàng này theo giá ghi trên hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 187.000 đồng/sản phẩm.
11. Xuất kho 500 sản phẩm gửi đi bán, giá bán 220.000 đồng/sản phẩm, gồm 10% thuế GTGT.
12. Một tuần sau khách hàng thông báo chấp nhận mua lô hàng 500 sản phẩm gửi đi trong kỳ và thanh toán 50% bằng chuyển khoản.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Bài tập số 15

Tại một doanh nghiệp có số liệu đầu kỳ của các tài khoản được kế toán tập hợp như sau :

- Tiền mặt	100.000.000 đồng
- Vay ngắn hạn	200.000.000 đồng

- Tiền gửi ngân hàng	400.000.000 đồng
- Phải trả cho người bán	250.000.000 đồng
- Phải thu khách hàng	100.000.000 đồng
- Phải trả CNV	50.000.000 đồng
- Nguyên vật liệu (50.000kg)	200.000.000 đồng
- Nguồn vốn kinh doanh	1.500.000.000 đồng
- TSCĐ	1.300.000.000 đồng
- Hao mòn TSCĐ	(100.000.000 đồng)

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Nhập kho 10.000 kg nguyên vật liệu đơn giá 4.000 đồng/kg, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển do bên bán thanh toán.
2. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm 20.000.000 đồng, nhân viên phân xưởng là 10.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương của CB-CNV.
4. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 100.000.000 đồng. Chi trả lương kỳ trước 50.000.000 đồng bằng tiền mặt.
5. Chi 50% tiền lương kỳ này bằng tiền mặt.
6. Mua một TSCĐ giá mua 280.000.000 đồng, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho người bán. TSCĐ có thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt chạy thử được kế toán tập hợp như sau :
 - a. Xuất 1.000 kg nguyên vật liệu để chạy thử.
 - b. Dịch vụ thuê ngoài chưa thanh toán khách hàng là 6.000.000 đồng.

- c. Chi phí thuê chuyên gia thanh toán bằng chuyển khoản là 10.000.000 đồng.
7. Xuất kho 20.000 kg nguyên vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm.
 8. Mức khấu hao trích kỳ trước là 5.000.000 đồng. Biết rằng tất cả các tài sản đều sử dụng ở bộ phận sản xuất. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho nhập trước xuất trước.
 9. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 4.300.000 đồng.
 10. Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là 80.000.000 đồng, chi phí nhân công trực tiếp là 23.800.000 đồng, chi phí sản xuất chung 26.200.000 đồng.
 11. Kết chuyển thành phẩm nhập kho là 130.000.000 đồng.
 12. Chi tiền mặt để thanh toán lương kỳ 2 cho CB-CNV kể cả các khoản khấu trừ lương về BHXH, BHYT của người lao động.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.
2. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.
3. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 :

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ở Việt Nam, Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam bao gồm hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách và hệ thống báo cáo tài chính. Nhằm giúp cho bạn đọc làm quen dần với hệ thống tài khoản thống nhất, tác giả giới thiệu danh mục hệ thống tài khoản doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
Tài khoản loại 1 : TÀI SẢN NGẮN HẠN				
01	111		Tiền mặt	
		1111	Tiền Việt Nam	
		1112	Ngoại tệ	
		1113	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	
02	112		Tiền gửi Ngân hàng	Chi tiết
		1121	Tiền Việt Nam	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
		1122	Ngoại tệ	
		1123	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	
03	113		Tiền đang chuyển	
		1131	Tiền Việt Nam	
		1132	Ngoại tệ	
04	121		Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
		1211	Cổ phiếu	
		1212	Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	
05	128		Đầu tư ngắn hạn khác	
		1281	Tiền gửi có kỳ hạn	
		1288	Đầu tư ngắn hạn khác	
06	129		Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	
07	131		Phải thu của khách hàng	Chi tiết
08	133		Thuế GTGT được khấu trừ	
		1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	
		1332	Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định	
09	136		Phải thu nội bộ	
		1361	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	
		1368	Phải thu nội bộ khác	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
10	138		Phải thu khác	
		1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	
		1385	Phải thu về cổ phần hóa	
		1388	Phải thu khác	
11	139		Dự phòng phải thu khó đòi	
12	141		Tạm ứng	Chi tiết
13	142		Chi phí trả trước ngắn hạn	
14	144		Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	
15	151		Hàng mua đang đi đường	
16	152		Nguyên liệu, vật liệu	Chi tiết
17	153		Công cụ, dụng cụ	
18	154		Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	
19	155		Thành phẩm	
20	156		Hàng hóa	
		1561	Giá mua hàng hóa	
		1562	Chi phí thu mua hàng hóa	
		1567	Hàng hóa bất động sản	
21	157		Hàng gửi đi bán	
22	158		Hàng hóa kho bảo thuế	
23	159		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
24	161		Chi sự nghiệp	
		1611	Chi sự nghiệp năm trước	
		1612	Chi sự nghiệp năm nay	
Tài khoản loại 2 : TÀI SẢN DÀI HẠN				
25	211		Tài sản cố định hữu hình	
		2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	
		2112	Máy móc, thiết bị	
		2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	
		2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	
		2115	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	
		2118	Tài sản cố định khác	
26	212		Tài sản cố định thuê tài chính	
27	213		Tài sản cố định vô hình	
		2131	Quyền sử dụng đất	
		2132	Quyền phát hành	
		2133	Bản quyền, bằng sáng chế	
		2134	Nhãn hiệu hàng hóa	
		2135	Phần mềm máy vi tính	
		2136	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	
		2138	Tài sản cố định vô hình khác	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
28	214		Hao mòn tài sản cố định	
		2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	
		2142	Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính	
		2143	Hao mòn tài sản cố định vô hình	
		2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	
29	217		Bất động sản đầu tư	
30	221		Đầu tư vào công ty con	
31	222		Vốn góp liên doanh	
32	223		Đầu tư vào công ty liên kết	
33	228		Đầu tư dài hạn khác	
		2281	Cổ phiếu	
		2282	Trái phiếu	
		2288	Đầu tư dài hạn khác	
34	229		Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	
35	241		Xây dựng cơ bản dở dang	
		2411	Mua sắm tài sản cố định	
		2412	Xây dựng cơ bản	
		2413	Sửa chữa lớn tài sản cố định	
36	242		Chi phí trả trước dài hạn	
37	243		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
38	244		Ký quỹ, ký cược dài hạn	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
Tài khoản loại 3 : NỢ PHẢI TRẢ				
39	311		Vay ngắn hạn	
40	315		Nợ dài hạn đến hạn trả	
41	331		Phải trả cho người bán	Chi tiết
42	333		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	
		3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	
		33311	Thuế GTGT đầu ra	
		33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	
		3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
		3333	Thuế xuất, nhập khẩu	
		3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
		3335	Thuế thu nhập cá nhân	
		3336	Thuế tài nguyên	
		3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	
		3338	Các loại thuế khác	
		3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	
43	334		Phải trả người lao động	
		3341	Phải trả công nhân viên	
		3348	Phải trả người lao động khác	
44	335		Chi phí phải trả	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
45	336		Phải trả nội bộ	
46	337		Thanh toán tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	
47	338		Phải trả, phải nộp khác	
		3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	
		3382	Kinh phí công đoàn	
		3383	Bảo hiểm xã hội	
		3384	Bảo hiểm y tế	
		3385	Phải trả về cổ phần hóa	
		3386	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	
		3387	Doanh thu chưa thực hiện	
		3388	Phải trả, phải nộp khác	
48	341		Vay dài hạn	
49	342		Nợ dài hạn	
50	343		Trái phiếu phát hành	
		3431	Mệnh giá trái phiếu	
		3432	Chiết khấu trái phiếu	
		3433	Phụ trội trái phiếu	
51	344		Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	
52	347		Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
53	351		Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	
54	352		Dự phòng phải trả	
Tài khoản loại 4 : VỐN CHỦ SỞ HỮU				
55	411		Nguồn vốn kinh doanh	
		4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
		4112	Thặng dư vốn cổ phần	
		4118	Vốn khác	
56	412		Chênh lệch đánh giá lại tài sản	
57	413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
		4131	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính	
		4132	Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư XDCB	
58	414		Quỹ đầu tư phát triển	
59	415		Quỹ dự phòng tài chính	
60	418		Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
61	419		Cổ phiếu quỹ	
62	421		Lợi nhuận chưa phân phối	
		4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	
		4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	
63	431		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	

Số TT	Số hiệu		Tên tài khoản	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
		4311	Quỹ khen thưởng	
		4312	Quỹ phúc lợi	
		4313	Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	
64	441		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	DNNN
65	461		Nguồn kinh phí sự nghiệp	
		4611	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	
		4612	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	
66	466		Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	
Tài khoản loại 5 : DOANH THU				
67	511		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
		5111	Doanh thu bán hàng hóa	
		5112	Doanh thu bán các thành phẩm	Chi tiết
		5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	
		5114	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	
		5117	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	
68	512		Doanh thu bán hàng nội bộ	
		5121	Doanh thu bán hàng hóa	